

VAI TRÒ CỦA KIỂM SOÁT THAM NHŨNG TRONG MỐI QUAN HỆ GIỮA LAN TỎA FDI VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH Ở VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Thùy Trang* - PGS.TS. Nguyễn Minh Ngọc**

Tác động lan tỏa của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FS) có thể bị bóp méo bởi tham nhũng (COR), từ đó ảnh hưởng tới tăng trưởng xanh. Sử dụng dữ liệu mảng của 63 tỉnh/thành phố ở Việt Nam từ năm 2011 đến 2022, Nghiên cứu này phân tích tác động của lan tỏa FDI tới tăng trưởng xanh và đánh giá ảnh hưởng điều tiết của kiểm soát tham nhũng tới mối quan hệ kể trên. Từ kết quả nghiên cứu, một số gợi ý chính sách được đưa ra, nhấn mạnh chính phủ cần kiểm soát tham nhũng để thúc đẩy lan tỏa FDI, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế gắn với tăng trưởng xanh, bền vững.

• Từ khóa: lan tỏa FDI, tăng trưởng xanh, kiểm soát tham nhũng.

FDI spillover (FS) may be affected by corruption and affect green growth. Using Vietnam's provincial data from 2011 to 2022 as an example, this study investigated at FS affected green development in 63 Vietnamese provinces as well as the effect of corruption control in this relationship. Green total factor productivity (green TFP) was constructed by combining the data development analysis model (DEA) with the green Malmquist-Luenberger index. The results of the system-GMM regression revealed that FS promotes green TFP. Furthermore, the results of panel threshold model demonstrated a non-linear. Finally, some policy recommendations are made, highlighting that the government should control corruption in increasing green TFP and promoting FDI spillover to achieve green development.

• Key words: FDI spillover, green growth, corruption control.

Ngày gửi bài: 27/02/2025

Ngày gửi phản biện: 06/3/2025

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 19/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i285.02>

1. Đặt vấn đề

Tăng trưởng xanh là vấn đề mang tính toàn cầu khi các quốc gia trên thế giới đều đang cố gắng cân bằng giữa phát triển kinh tế và bền vững môi trường (Dai và cộng sự, 2025). Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được thừa nhận rộng rãi là một động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, đặc biệt với các nước đang phát triển (Chen và cộng sự, 2022). Các nghiên cứu hiện nay đã chỉ ra FDI có thể mang lại lợi ích gián tiếp (gọi là lan tỏa FDI) khi các tri thức về quản lý và công nghệ tiên tiến của doanh nghiệp FDI góp phần

cải thiện kết quả kinh doanh và năng suất của doanh nghiệp trong nước (Fu và Gong, 2011). Trong khi đó, tham nhũng, hiện tượng thường xảy ra ở các nền kinh tế đang phát triển có khả năng làm suy yếu chính sách bảo vệ môi trường và cản trở sự phát triển kinh tế.

Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích ảnh hưởng của lan tỏa FDI tới tăng trưởng TFP xanh và đánh giá ảnh hưởng điều tiết của kiểm soát tham nhũng tới mối quan hệ kể trên. Sử dụng bộ dữ liệu mảng các tỉnh/thành phố giai đoạn 2011-2022, chỉ tiêu năng suất nhân tố tổng hợp xanh (gọi là TFP xanh) kết hợp các yếu tố tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển hài hòa của con người với tự nhiên (Feng và cộng sự, 2024) được sử dụng làm thước đo tăng trưởng xanh.

Bài viết được bố cục như sau: Ngoài phần mở đầu, phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết, theo sau là tổng quan nghiên cứu thực nghiệm về lan tỏa FDI, kiểm soát tham nhũng và tăng trưởng xanh. Phần 3 diễn giải phương pháp nghiên cứu. Phần 4 trình bày kết quả và thảo luận. Kết luận và hàm ý chính sách đưa ra ở phần cuối cùng.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu trước

2.1. Các lý thuyết về lan tỏa FDI, tham nhũng tới tăng trưởng xanh

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh cho rằng FDI có thể kích thích tăng trưởng liên tục ở nước nhận đầu tư thông qua chuyển giao công nghệ, hấp thụ và lan tỏa (Romer 1994; de Mello, 1999). Bằng cách tạo thuận lợi cho trao đổi công nghệ xanh và các hành vi sản xuất bền vững, lan tỏa FDI góp phần đáng kể cải thiện hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp trong nước, tạo tăng trưởng và việc làm (Sylwester, 2005). Tuy nhiên,

* Trường Đại học Thủy lợi; email: trangnt@tlu.edu.vn

** Trường Đại học Kinh tế quốc dân; email: ngocieds@neu.edu.vn

tham nhũng làm tăng chi phí không chính thức và rủi ro cho các nhà đầu tư, từ đó làm giảm sức hấp dẫn của các địa điểm thu hút đầu tư.

Giả thuyết “*hiệu ứng cải thiện ô nhiễm*” cho rằng FDI có thể kích thích các cú sốc công nghệ xanh để các nước đang phát triển sử dụng làm đòn bẩy hỗ trợ sản xuất bền vững (Zarsky, 1999). Golub và cộng sự (2011) lập luận rằng chuyển giao công nghệ thân thiện môi trường góp phần giảm phát thải carbon và tiêu thụ năng lượng, từ đó hỗ trợ tăng trưởng xanh. Ngược lại, theo giả thuyết “*nơi ẩn giấu ô nhiễm*”, FDI khuyến khích các ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường vốn bị hạn chế bởi các quy định về bảo vệ môi trường nghiêm ngặt ở các nước phát triển dời đến các nước đang phát triển (Keller và Levison, 2002).

Từ góc nhìn thể chế, Shleifer và cộng sự (1994) coi hối lộ là biện pháp để doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực khi các quyết định về phân bổ thực hiện bởi các cơ quan chính phủ không thỏa đáng. Ngược lại, Li và Zhou (2005) cho rằng theo đuổi tăng trưởng GDP bất chấp chi phí môi trường của các chính phủ làm trầm trọng các vấn đề môi trường. Đồng thời, sự thông đồng của quan chức và doanh nghiệp làm suy yếu vai trò giám sát môi trường. Kết quả là, các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường có cơ hội tồn tại và phát triển, làm suy thoái môi trường địa phương (Cao và cộng sự, 2018).

2.2. Tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm

Các kết quả nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa FDI và TFP xanh đưa ra kết luận không nhất. Sử dụng dữ liệu cấp tỉnh của Trung Quốc từ 2001-2015, Chen và cộng sự (2022) phát hiện ra FDI không chỉ giúp bảo tồn năng lượng mà còn cải thiện hiệu quả phát thải CO₂. Ngược lại, Fu và cộng sự (2018) kết luận rằng FDI từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore có tác động tiêu cực tới TFP xanh. Trong khi Filipetti và Peyrache (2015) phủ nhận mối quan hệ giữa đầu tư nước ngoài và TFP xanh, cho rằng mối tương quan giữa hai nhân tố này là không đáng kể.

Các bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng tiêu cực của tham nhũng với tăng trưởng kinh tế tương đối rõ ràng. Chen và cộng sự (2022) kết luận rằng các chương trình chống tham nhũng của Chính phủ Trung Quốc giúp cải thiện trách nhiệm môi trường, đặc biệt ở các doanh nghiệp nhà nước.

Tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm đã cung cấp tri thức hữu ích về ảnh hưởng của FDI tới tăng trưởng xanh, nhưng đồng thời xuất hiện các khoảng trống nghiên cứu sau: (1) tác động lan tỏa FDI tới tăng trưởng xanh chưa đồng nhất trong các kết quả nghiên cứu trước đây; (2) vai trò của kiểm soát tham nhũng

hầu như bị bỏ qua khi xem xét mối quan hệ giữa lan tỏa FDI và tăng trưởng xanh. Vì vậy, bài viết sẽ kế thừa và tập trung phân tích vai trò của kiểm soát tham nhũng khi xem xét tác động của lan tỏa FDI tới tăng trưởng xanh tại các địa phương của Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu và nguồn dữ liệu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

3.1.1. Phương pháp đo lường năng suất nhân tố tổng hợp xanh

Kế thừa các nghiên cứu trước đây (Chen và Golley, 2014; Feng và cộng sự, 2024), nghiên cứu đo lường TFP xanh bằng chỉ số Malmquist-Luenberger xanh (GML) được xây dựng bằng phương pháp bao dữ liệu (DEA). Các biến đầu vào gồm vốn tính bằng phương pháp tồn kho lũy kế theo gợi ý của Gold Smith (1951) và lao động được ước tính qua số liệu lực lượng lao động và chất lượng lao động (Hall và Jones, 1999). Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) là đầu ra mong muốn (Zhang và Choi, 2013). *Lượng phát thải CO₂* là đầu ra không mong muốn, ước tính dựa trên tổng lượng phát thải CO₂ của cả nước kết hợp với tỷ trọng đầu ra và dân số của tỉnh.

3.1.2. Phương pháp ước lượng mô hình đánh giá tác động của lan tỏa FDI và kiểm soát tham nhũng tới tăng trưởng xanh

Mô hình đánh giá tác động của lan tỏa FDI và kiểm soát tham nhũng tới tăng trưởng xanh được đề xuất như sau:

$$LGTFP_{it} = \beta_0 + \beta_1 LGTFP_{it-1} + \beta_2 LFS_{it} + \beta_3 LCOR_{it} + \sum_{i=4}^k \beta_i X_{it} + \epsilon_{it} \quad (6)$$

Trong đó, i là tỉnh i ở thời điểm t . $LGTFP$ là biến phụ thuộc đại diện cho tăng trưởng xanh; LFS là lan tỏa FDI; $LCOR$ là kiểm soát tham nhũng; X là véc tơ biểu thị các biến kiểm soát, gồm: mức độ đô thị hóa (LURBAN), độ mở thương mại (LOPEN), chi giáo dục (LEDUC), trình độ phát triển kinh tế (LEDL), bảo vệ môi trường (LENV), và chi khoa học công nghệ (LTECH), ϵ là sai số ước lượng của mô hình

3.1.3. Phương pháp ước lượng mô hình hồi quy ngưỡng đánh giá vai trò của kiểm soát tham nhũng trong mối quan hệ giữa lan tỏa FDI tới tăng trưởng xanh

Mô hình hồi quy ngưỡng để đánh giá ảnh hưởng của kiểm soát tham nhũng và lan tỏa FDI tới tăng trưởng xanh kế thừa từ phương pháp hồi quy ngưỡng của Hansen (1999) được đề xuất như sau:

$$LGTFP_{it} = \alpha_i + \beta_1 LFS_{it} I(c < h_1) + \beta_2 LFS_{it} I(c \geq h_1) + \sum_{i=3}^k \beta_i X_{it} + \epsilon_{it} \quad (7)$$

Trong đó, c và h_1 lần lượt là biến ngưỡng và giá trị ngưỡng. Biến ngưỡng trong nghiên cứu này là kiểm soát tham nhũng. I là hàm số chi báo. Nếu giá trị trong ngoặc đơn đúng thì I bằng 1, và bằng 0 nếu ngược lại.

3.2. Nguồn dữ liệu

Bộ dữ liệu 63 tỉnh/thành phố ở Việt Nam từ năm 2011 đến 2022 được sử dụng. Các dữ liệu kinh tế vĩ mô cấp tỉnh được lấy từ các nguồn sau đây: Niên giám thống kê tỉnh/thành phố hàng năm, Số liệu thống kê môi trường Việt Nam (2023), Báo cáo chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh tại Việt Nam. Các biến giá trị được điều chỉnh giảm phát theo năm 2010. Các biến số được lấy logarit trong các phân tích thực nghiệm. Thống kê mô tả được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Các biến	Số quan sát	Giá trị trung vị	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
LGTFP	756	-0,01	0,048	-0,573	0,477
LFS	756	1,562	2,395	-8,7	7,29
LCOR	756	3,66	0,097	3,457	3,888
LURBAN	756	-1,4	0,541	-4,355	0,673
LOPEN	756	3,51	3,661	-14,566	9,409
LEDU	756	1,695	1,025	-6,41	3,711
LECO	756	1,218	0,158	-0,181	1,73
LENV	756	3,252	1,423	-3,778	7,58
LTECH	756	-1,26	0,851	-3,602	3,388

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả kiểm định áp dụng kiểm định LLC (Levin-Lin-Chu, 2002) cho thấy các biến trong mô hình nghiên cứu dừng ở chuỗi dữ liệu gốc, bộ dữ liệu sử dụng đảm bảo để thực hiện hồi quy bằng phương pháp mô hình hệ thống động (S-GMM).

Kết quả kiểm định AR(1) và AR(2) (bảng 2) cho thấy chỉ tồn tại tự tương quan bậc 1 và không có tự tương quan bậc 2 của phần dư, điều này thống nhất với yêu cầu không có tương quan khi sử dụng phương pháp ước lượng GMM hệ thống. Kết quả kiểm định thống kê J của Hansen chấp nhận giả thiết H_0 : “Mô hình được xác định đúng với các biến công cụ làm đại diện là hợp lý” (Barum, 2006).

Bảng 2. Kết quả hồi quy mô hình hệ thống động (S-GMM)

Mô hình	(1)	(2)
L.LGTFP	-0,0584 (0,0419)	-0,0585 (0,0421)
LFS	0,0017* (0,0009)	0,0017 (0,0014)
LCOR	-0,0149*** (0,0054)	-0,0149*** (0,0055)
FDI*COR		1,45e-05 (0,0008)
Các biến kiểm soát	CÓ	CÓ

Mô hình	(1)	(2)
Số quan sát	693	693
Số nhóm	63	63
Số biến công cụ	25	26
Kiểm định AR(1)	0,096	0,096
Kiểm định AR (2)	0,697	0,698
Kiểm định Hansen	0,339	0,340

Ghi chú: *, **, *** hệ số hồi quy có ý nghĩa lần lượt ở mức 10%, 5% và 1%

Về tác động của lan tỏa FDI tới tăng trưởng xanh, kết quả ước lượng cho thấy với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi lan tỏa FDI tăng 1% thì TFP xanh của địa phương sẽ tăng 0,0017%. Sự xuất hiện của FDI ở địa phương giúp cải thiện trình độ công nghệ, nâng cao chất lượng vốn nhân lực, từ đó tăng năng suất của doanh nghiệp nói riêng và năng suất địa phương nói chung. Trong khi đó, hệ số của biến kiểm soát tham nhũng ($LCOR$) mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, phản ánh ảnh hưởng tiêu cực của kiểm soát tham nhũng tới tăng trưởng xanh. Điều này có thể giải thích là khi các biện pháp kiểm soát tham nhũng được thực thi sẽ buộc các doanh nghiệp tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất. Điều này có thể làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp, và giảm năng suất. Đồng thời, khi sự thông đồng giữa doanh nghiệp với quan chức bị phá vỡ, chi phí giao dịch và tính bất đối xứng thông tin, vốn xảy ra khi bộ máy chính trị công kênh sẽ tăng lên, làm giảm năng suất của doanh nghiệp.

Kết quả hồi quy tác động của các biến kiểm soát cho thấy trình độ phát triển kinh tế, tốc độ đô thị hóa, độ mở thương mại và chi ngân sách cho giáo dục đều góp phần thúc đẩy tăng trưởng TFP xanh của địa phương.

Biến tương tác giữa lan tỏa FDI và kiểm soát tham nhũng ($FDI*COR$) được đưa vào mô hình (2) để xem xét vai trò của kiểm soát tham nhũng đối với tác động của lan tỏa FDI. Tuy nhiên, kết quả cho thấy vai trò không rõ ràng khi biến lan tỏa FDI và biến tương tác không có ý nghĩa thống kê. Điều này có thể do sự tồn tại của mối quan hệ phi tuyến tính giữa kiểm soát tham nhũng và lan tỏa FDI.

Phương pháp hồi quy ngưỡng được sử dụng để kiểm chứng mối quan hệ này. Kết quả kiểm định ở Bảng 3 xác nhận tồn tại ngưỡng đơn của kiểm soát tham nhũng trong mối quan hệ giữa lan tỏa FDI và tăng trưởng xanh.

Bảng 3. Kết quả kiểm định tác động ngưỡng

Ngưỡng	RSS	MSE	F	P	10%	5%	1%
Đơn	1,1938	0,0018	11,04	0,0867	8,8988	12,3636	17,6944
Đôi	1,1868	0,0017	4,05	0,5600	11,4944	14,6609	20,0789
Ba	1,1665	0,0017	11,85	0,4067	25,1631	32,4758	42,9802

Kết quả hồi quy ngưỡng trình bày trong Bảng 4 cho thấy có hai khoảng giá trị tương ứng với hệ số COR nhỏ hơn 3,6777 và COR lớn hơn hoặc bằng 3,6777. Biến LFS mang dấu âm ở khoảng thứ nhất và chuyển dấu dương có ý nghĩa thống kê ở khoảng giá trị thứ hai. Từ kết quả trên có thể giải thích như sau: Khi kiểm soát tham nhũng ở mức thấp, chỉ có khả năng loại bỏ một số ít doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường và vi phạm pháp luật. Điều này không đủ sức răn đe với các doanh nghiệp có ý định vi phạm quy định bảo vệ môi trường, Bên cạnh đó, cảnh báo chính quyền một số địa phương đã “trải thảm đỏ” thu hút các dự án FDI, nới lỏng các quy định về môi trường nhằm thu hút FDI vào địa phương mình, chấp nhận cả những dự án FDI khai thác tài nguyên giá rẻ với công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường (Nguyễn Thị Quỳnh Anh, 2023). Ngược lại, khi kiểm soát tham nhũng được thực thi đầy đủ, thể hiện cam kết chính trị rõ ràng và mạnh mẽ của Chính phủ sẽ dần tạo sự an tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài về đảm bảo thực thi pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tài sản của các nhà đầu tư. Các công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường cùng với các phương pháp quản lý hiện đại sẽ được đưa vào sản xuất, tạo ảnh hưởng lan tỏa FDI với các doanh nghiệp trong nước, từ đó nâng cao TFP xanh của địa phương.

Bảng 4. Kết quả hồi quy ngưỡng

Biến số	Hệ số hồi quy	Biến số	Hệ số hồi quy
L.GTFP	-0,364*** (0,0374)	LNEVR	-0,0055 (0,0038)
LURBAN	0,239*** (0,0358)	LTECH	-0,0016 (0,0011)
LOPEN	5,44e-06** (2,56e-06)	LFS (c < 3,6777)	-0,0035 (0,0032)
LEDU	-2,71e-05 (0,0010)	LFS (c ≥ 3,6777)	0,0080*** (0,0027)
LEDL	0,0588*** (0,0087)	Hằng số	-0,198*** (0,0308)
Số quan sát	693	R-squared	0,291

Ghi chú: *, **, *** hệ số hồi quy có ý nghĩa lần lượt ở mức 10%, 5% và 1%

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Nghiên cứu thực hiện với mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của lan tỏa FDI tới tăng trưởng TFP xanh; đồng thời xem xét vai trò điều tiết của kiểm soát tham nhũng tới mối quan hệ kể trên. Dựa trên bộ dữ liệu mảng của 63 tỉnh thành phố ở Việt Nam trong giai đoạn 2011-2022, các kết luận chính được đưa ra bao gồm: *Thứ nhất*, với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi lan tỏa FDI tăng 1% thì TFP xanh của địa phương sẽ tăng 0,0017%. *Thứ hai*, ảnh hưởng của lan tỏa FDI tới TFP xanh thay đổi theo mức độ kiểm soát tham nhũng. Khi kiểm soát tham nhũng ở mức thấp sẽ

không đủ sức răn đe với doanh nghiệp. Ngược lại, khi kiểm soát tham nhũng được thực thi đầy đủ, các công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường cùng các phương pháp quản lý hiện đại sẽ được đưa vào sản xuất, tạo ảnh hưởng lan tỏa FDI với các doanh nghiệp trong nước, từ đó nâng cao TFP xanh của địa phương. *Thứ ba*, trình độ phát triển kinh tế, tốc độ đô thị hóa, độ mở thương mại và chi ngân sách cho giáo dục đều góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, từ đó thúc đẩy tăng trưởng TFP xanh của địa phương.

5.2. Hàm ý chính sách

Để hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế gắn với tăng trưởng xanh, bền vững và là cam kết “năm 2050 giảm phát thải ròng carbon bằng 0”, một số hàm ý chính sách được đưa ra bao gồm: *Một là*, thu hút FDI phải có tính chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là các tiêu chí đánh giá chủ yếu. Các dự án FDI phải có khả năng tạo tác động lan tỏa tới doanh nghiệp địa phương; *Hai là*, kiểm soát tham nhũng gắn với tinh gọn bộ máy chính trị để giảm chi phí giao dịch và thông tin bất đối xứng giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước; *Ba là*, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ xanh; *Bốn là*, tăng cường xúc tiến thương mại, đặc biệt là các ngành có tiềm năng xuất khẩu tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu; *Năm là*, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ lao động, kỹ năng liên quan đến công nghệ xanh và quản lý tài nguyên.

Tài liệu tham khảo:

- Baum, C. F. (2006). *An introduction to modern econometrics using Stata*. Stata press.
- Cao, X., Kostka, G., & Xu, X. (2019). Environmental political business cycles: the case of PM2. 5 air pollution in Chinese prefectures. *Environmental science & policy*, 93, 92-100.
- Chen, S., & Golley, J. (2014). Green productivity in China's industrial economy. *Energy Economics*, 44, 89-98.
- Chen, Z., Paudel, K. P., & Zheng, R. (2022). Pollution halo or pollution haven: assessing the role of foreign direct investment on energy conservation and emission reduction. *Journal of Environmental Planning and Management*, 65(2), 311-336.
- Chen, Z., Zhou, M., & Ma, C. (2022). Anti-corruption and corporate environmental responsibility: Evidence from China's anti-corruption campaign. *Global Environmental Change*, 72, 102449.
- Lu, D., & Wang, Z. (2023). Towards green economic recovery: how to improve green total factor productivity. *Economic Change and Restructuring*, 56(5), 3163-3185.
- Romer, P. M. (1994). The origins of endogenous growth. *Journal of Economic perspectives*, 8(1), 3-22.
- Sequeira, S. (2016). Corruption, trade costs, and gains from tariff liberalization: Evidence from Southern Africa. *American Economic Review*, 106(10), 3029-3063.
- Shleifer, A., & Vishny, R. W. (1994). Politicians and firms. *The quarterly journal of economics*, 109(4), 995-1025.
- Sylvester, K. (2005). Foreign direct investment, growth and income inequality in less developed countries. *International Review of Applied Economics*, 19(3), 289-300.
- Tổng cục Thống kê. (2012-2023). *Niên giám Thống kê các năm, từ năm 2011 đến năm 2022*, Nxb Thống kê. Nxb Thống kê.
- Wang, Y., Bai, Y., Quan, T., Ran, R., & Hua, L. (2023). Influence and effect of industrial agglomeration on urban green total factor productivity - On the regulatory role of innovation agglomeration and institutional distance. *Economic Analysis and Policy*.
- Zamani, Z., & Tayebi, S. K. (2022). Spillover effects of trade and foreign direct investment on economic growth: An implication for sustainable development. *Environment, Development and Sustainability*, 3967-3981.
- Zhang, N., & Choi, Y. (2023). Environmental energy efficiency of China's regional economies: A non-oriented slacks-based measure analysis. *The social science journal*, 225-234.
- Zhou, M., Wang, B., & Chen, Z. (2020). Has the anti-corruption campaign decreased air pollution in China? *Energy Economics*, 91, 104878.